

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2021.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

U ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - U ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 4 năm 2021 và ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Yến N - sinh năm: 1987.

Địa chỉ: số 35/1, Rạch Cao Mên, ấp T, xã Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Anh Trương Văn T - sinh năm: 1987.

Địa chỉ: số 35/1, Rạch Cao Mên, ấp T, xã Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T quen biết nhau qua mai mối vào năm 2005, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2007 tại UBND xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N phát hiện anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài; gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng anh T không chịu sửa đổi, không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, bỏ bê vợ con. Đến năm 2011 thì chị N bỏ về nhà ba mẹ ruột sinh sống được khoảng 01 tuần thì vợ chồng được gia đình hòa giải hàn gắn trở về tiếp tục chung sống. Từ thời gian đó đến năm 2020, thì anh T vẫn không sửa đổi mà còn ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất là vào năm 2020 anh T kêu chị N cầm sổ vàng của chị N để trả nợ sau đó sẽ chuộc lại trả cho chị N. Chị N không đồng ý, 03 ngày sau thì chị N bỏ về nhà ba mẹ ruột sống cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân cho đến nay không có liên lạc gì. Nay chị N nhận thấy cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau; chị N yêu cầu được ly hôn anh Trương Văn T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Trương Thị Minh U - sinh ngày: 13/9/2007 và Trương Minh K - sinh ngày: 03/02/2012 (*hiện 02 con chung đang sống với chị N*). Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Trương Văn T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị N và anh T là cháu Trương Thị Minh U và Trương Minh K trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Yến N.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, U ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Trương Văn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trương Văn T.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến N.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Trương Thị Minh U - sinh ngày: 13/9/2007 và Trương Minh K - sinh ngày: 03/02/2012 (*hiện 02 cháu đang sống với chị N*) cho chị N được quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị N xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Văn T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là anh Trương Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2007 tại UBND xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị N và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc con chung, ăn chơi, cờ bạc... Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài; chị N và gia đình của anh T cũng đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không ý thức được, không chịu sửa đổi. Từ đó, vợ chồng Uông xuyên cự cãi, tình cảm ngày càng bị tổn T, rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, vợ chồng không có liên lạc với nhau, anh T cũng không tới lui thăm và cấp dưỡng cho con. Quá trình giải quyết vụ án; anh T không có văn bản trình bày ý kiến cũng không có thiện chí đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị N; cho thấy anh T đã từ bỏ quyền lợi của mình, anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị N.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân hơn từ tháng 8/2020 đến nay. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị N cũng không trở về sống chung với anh T. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự T yêu, quan tâm lẫn nhau. Nếu chị N và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị N yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trương Thị Minh U - sinh ngày: 13/9/2007 và Trương Minh K - sinh ngày: 03/02/2012 (hiện 02 con chung đang sống với chị N). Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cả 02 cháu Minh U và Minh K đang có cuộc sống ổn định với chị N, được chị N và những người thân trong gia đình của chị N quan tâm, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình T cho 02 cháu. Mặt khác, hàng ngày anh T cũng ít khi quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho 02 cháu cũng như phụ tiếp tiền bạc để chị N lo cho con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho 02 cháu U và K có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu U và K cho chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cả 02 cháu và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Anh T được quyền tới lui thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.*

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị N xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yên N. Cho chị Nguyễn Thị Yên N ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Yên N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trương Thị Minh U - sinh ngày: 13/9/2007 và Trương Minh K - sinh ngày: 03/02/2012 (*hiện 02 con chung đang sống với chị N*). Chị N không yêu cầu anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn.

- Anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yên N nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp ngày 05/10/2020 theo biên lai thu số: 0008355 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

(*ký tên, ghi rõ họ tên*)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Nguyễn Thị Nhàn - Nguyễn Văn Minh

Trần Quốc Danh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Quy Tây, TP Sa Đéc, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh